

BÁO CÁO**Công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.783km²; dân số hơn 1,3 triệu người; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, 142 đơn vị hành chính cấp xã. Đến tháng 12/2023, Đảng bộ tỉnh có 16 đảng bộ cấp trên cơ sở (*10 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thành phố; Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh; Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh*), 02 đảng bộ cơ sở trực thuộc, 747 tổ chức cơ sở đảng (*262 đảng bộ cơ sở, 485 chi bộ cơ sở*); 3.011 chi bộ trực thuộc; 48.772 đảng viên.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (*nhiệm kỳ 2020 - 2025*) được cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ, hợp lý để tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua những khó khăn, thách thức nhằm thực hiện mục tiêu tiếp tục đưa Lâm Đồng phát triển nhanh và bền vững. Với quyết tâm đó, các cấp ủy, tổ chức trong hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nỗ lực phấn đấu, lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện đạt được những thành tựu quan trọng. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt nhiều chuyển biến; phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục đổi mới, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên được nâng lên; công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị đã tạo được những chuyển biến đáng kể về nhận thức, ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, đảng viên; dân chủ trong Đảng và đồng thuận xã hội được phát huy. Cán bộ, đảng viên, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền và công cuộc đổi mới của đất nước.

Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cơ bản, công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025 còn gặp không ít khó khăn, thách thức như: Tác động của dịch Covid-19, kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của tỉnh; một số chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XI đề ra chưa hoàn thành (*nhất là một số chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm của tỉnh*). Một số tổ chức đảng chậm đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; tình trạng tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng trên một số mặt còn hạn chế; việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đạt mục tiêu tinh gọn; việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm; công tác tuyên truyền và dân vận ở một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội hiệu quả chưa cao,... những yếu tố đó tác động không nhỏ đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trong nhiệm kỳ qua.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Xây dựng Đảng về chính trị

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy luôn coi trọng, tập trung chỉ đạo, đổi mới và tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cổ động, báo chí, văn học, nghệ thuật, thông tin đối ngoại,... nhằm nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên, lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ bản có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước âm mưu, thủ đoạn, luận điệu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được các cấp ủy quan tâm đưa vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên theo quy định¹; trường Chính trị tỉnh, Trung tâm chính trị cấp huyện đã có nhiều giải pháp đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên, gắn học tập lý luận với thực tiễn. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, địa phương thực hiện tốt bồi dưỡng chính trị hè cho đội ngũ giảng viên, giáo viên và sinh hoạt chính trị đầu khóa của học sinh, sinh viên,... nhằm nâng cao nhận thức, nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, tăng cường bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Các cấp ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới². Cụ thể hóa quy định của Trung ương về chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận

¹ Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 57- KL/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị.

² Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 41-KH/TU, ngày 22/4/2022; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có Công văn số 525-CV/BTGTU, ngày 14/4/2022 để chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng về nội dung tác phẩm “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”; Hướng dẫn số 127-HD/BTGTU, ngày 28/3/2023 triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng về nội dung tác phẩm “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh*” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Hướng dẫn số 37-HD/BTGTU, ngày 30/7/2021 về hướng dẫn Học tập chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”; Công văn số 352-CV/BTGTU, ngày 29/10/2021 về xây dựng kế hoạch (bản đăng ký) thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Hướng dẫn số 67-HD/BTGTU, ngày 21/02/2022 về hướng dẫn học tập, quán triệt, tuyên truyền Chuyên đề năm 2022 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm nêu gương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững*”; Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 08/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc,... Kết quả: **Năm 2022**, toàn tỉnh tổ chức được 376 hội nghị học tập, quán triệt chuyên đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm nêu gương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững*” với 56.772 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức,... tham gia học tập; trên 10.000 buổi sinh hoạt chuyên đề trong sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đơn vị, đoàn thể.

Năm 2023, toàn tỉnh tổ chức được 328 hội nghị học tập, quán triệt chuyên đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI*” cho 49.639

chính trị đối với cán bộ, đảng viên; hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

2. Xây dựng Đảng về tư tưởng

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng được thực hiện với nhiều hình thức phù hợp, đã tổ chức các hội thảo³, hội nghị, kịp thời thông tin, tuyên truyền, quán triệt, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, nhân dân. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã quan tâm hơn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đoàn viên, hội viên. Công tác nắm bắt dư luận xã hội được triển khai thường xuyên, có hiệu quả; tập hợp, phản ánh khách quan, trung thực các luồng thông tin nhiều chiều, đặc biệt là những vấn đề gây bức xúc, nổi cộm, thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội, các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có sự đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo, dẫn dắt, định hướng tuyên truyền thông tin tích cực, nhất là trên không gian mạng; thực hiện đồng bộ, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp, gắn kết chặt chẽ các lực lượng, vận dụng hài hòa các giải pháp “xây” và “chống”; kết hợp giữa vận động, giáo dục, thuyết phục với kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các đối tượng vi phạm; ngăn chặn có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xuyên tạc, xấu, độc trên mạng xã hội; triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định số 85-QĐ/TW của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet, mạng xã hội; chủ động nắm tình hình, dự báo sớm một số vấn đề phức tạp tại các địa bàn, lĩnh vực và xử lý các vấn đề phát sinh ngay tại cơ sở.

Công tác chỉ đạo, quản lý và định hướng hoạt động của các cơ quan báo chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trên địa bàn tỉnh được tăng cường, có nhiều đổi mới⁴; định kỳ tổ chức hội nghị giao ban báo chí, hội nghị báo cáo viên cấp

cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức,... tham gia học tập; trên 4.600 buổi sinh hoạt chuyên đề trong sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đơn vị, đoàn thể.

³ Hội thảo: “*Từ Cách mạng Tháng Mười Nga đến Cách mạng Tháng Tám và con đường giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”; Hội thảo “*Lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với phong trào thi đua yêu nước hiện nay*”; Hội thảo khoa học “*50 năm Đảng bộ và Nhân dân Lâm Đồng thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*”; Hội thảo khoa học “*Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lịch sử, lý luận, thực tiễn và bài học về công tác xây dựng Đảng hiện nay*”; Hội thảo khoa học “*Đảng Cộng sản Việt Nam với sự nghiệp cách mạng*”; Hội thảo khoa học “*Đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng chính đồn Đảng trong sạch, vững mạnh hiện nay*”.

Tọa đàm “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”; Tọa đàm “*Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu thân 1968 - giá trị lịch sử trường tồn*”; Tọa đàm khoa học “*Đảng Cộng sản Việt Nam độc lập, tự chủ, sáng tạo, lãnh đạo cách mạng vững bước đi lên*”; Tọa đàm khoa học “*Bác Hồ - Niềm tin sắt son*”; Tọa đàm khoa học “*Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước và giá trị thời đại*”; Tọa đàm khoa học “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm nêu gương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững*”.

Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi cấp tỉnh và khu vực năm 2021 truyền truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh và Chung khảo toàn quốc năm 2022,...

⁴ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU, ngày 29/7/2022 về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trên địa bàn tỉnh; Quy chế số 06-QC/TU, ngày 11/8/2022 về phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo tỉnh và các

tỉnh; duy trì việc cung cấp thông tin về các vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, các vấn đề phức tạp mới nảy sinh để đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng cán bộ, đảng viên. Các cơ quan báo chí tham gia hưởng ứng, có chất lượng các cuộc thi do Trung ương tổ chức⁵, Giải báo chí của tỉnh; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục xây dựng Đảng, khai thác các loại hình báo chí đa phương tiện,... nhằm lan tỏa thông tin tích cực, góp phần quan trọng ổn định tình hình tư tưởng và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có nhiều chuyển biến, cơ bản sát tình hình thực tiễn; kịp thời chỉ đạo sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, tỉnh trên các lĩnh vực, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế, tọa đàm, trao đổi khoa học phục vụ cho việc đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII và xây dựng các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng; tổ chức tọa đàm, hội thảo khoa học về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng; tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc,... Các đề tài, đề án được triển khai bám sát và phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả nghiên cứu đã góp phần cung cấp số liệu, tài liệu, luận cứ khoa học một cách có hệ thống, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhất là xây dựng các văn kiện trình đại hội đảng các cấp và định hướng phát triển cho từng địa phương trong tỉnh.

3. Xây dựng Đảng về đạo đức

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 21-KL/TW (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” và các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương⁶, các cấp ủy xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Qua thực hiện trong nhiệm kỳ, cho thấy việc soi rọi, nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong cán bộ, đảng viên để tu dưỡng, sửa chữa có chuyển biến. Trong quá trình thực hiện, một số cấp ủy đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đấu tranh phòng, chống suy thoái, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,... trên các trang thông tin điện tử, tập san nội bộ, hội nghị, hội thảo.

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị; các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁷ tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “*về đẩy mạnh học tập*

sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong công tác lãnh đạo, quản lý báo chí trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2573-CV/TU, ngày 15/5/2023 về thực hiện Quy định số 85-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

⁵ Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Giải Búa liềm vàng; Giải báo chí về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực,...

⁶ Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 22/5/2019 của Tỉnh ủy về “*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*”.

⁷ Kế hoạch số 20-KH/TU, ngày 06/9/2021 thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) “*về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo*

và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” các cấp ủy, tổ chức đảng kịp thời triển khai học tập, quán triệt theo chuyên đề hàng năm⁸. Duy trì thực hiện tốt các mô hình tổ chức chào cờ, sinh hoạt dưới cờ vào sáng thứ 2 hàng tuần, hàng tháng và giới thiệu các tấm gương điển hình tiên tiến, người thực, việc thực trong lao động sản xuất. Phát động mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình hành động thiết thực, cụ thể, tập trung hướng về cơ sở, giải quyết những yêu cầu thiết thực, bức xúc của người dân⁹. Lựa chọn một số vấn đề trọng tâm, nổi cộm, bức xúc, tổ chức đối thoại với nhân dân để lắng nghe và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan trực tiếp đến địa phương, cơ sở và người dân. Qua thực hiện đã xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm mới, kinh nghiệm quý được biểu dương, khen thưởng, giới thiệu và nhân rộng, tạo hiệu ứng tốt, được nhân dân đồng tình ủng hộ¹⁰.

Việc chỉ đạo và tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình hàng năm được thực hiện nghiêm túc; trong kiểm điểm hàng năm ngoài nội dung kiểm điểm theo yêu cầu, trước khi tiến hành tổ chức kiểm điểm, cấp tỉnh, cấp huyện có nội dung gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân về trách nhiệm để xảy ra sai sót, chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc có dư luận không tốt trên một số lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ rừng; khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép; tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo phát sinh trên địa bàn; công tác cán bộ; công tác quản lý nguồn vốn và chất lượng công trình, dự án đầu tư; việc lãnh đạo giải quyết và xem xét xử lý các cán bộ để xảy ra các vụ án do tòa án cấp trên hủy, cải sửa; công tác cải cách hành chính, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII,... Qua kiểm điểm hàng năm, hầu hết các cơ quan, địa phương, đơn vị đều khẳng định tập thể cấp ủy, ban thường vụ các cấp có nhiều chuyển biến trong khắc phục các tồn tại, hạn chế, đa số cá nhân ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp cơ bản thực hiện nghiêm việc khắc phục các hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII.

4. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Kế hoạch số 27-KH/TU, ngày 19/01/2022 về tổ chức biểu dương, khen thưởng và gặp mặt các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2026; Kế hoạch số 29-KH/TU, ngày 14/02/2022 về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW năm 2022; Kế hoạch số 69-KH/TU, ngày 12/01/2023 về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW năm 2023; Kế hoạch số 99-KH/TU, ngày 12/12/2023 về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW năm 2024.

⁸ Năm 2022: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm nêu gương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững”;

Năm 2023: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI”;

Năm 2024: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm, nêu gương, kỷ cương, hiệu quả, khơi dậy khát vọng xây dựng Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước”.

Qua hơn 03 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, toàn tỉnh đã tổ chức được 1.378 lớp học tập, quán triệt Kết luận và chuyên đề hàng năm cho 199.411 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và trên 25.000 buổi sinh hoạt chuyên đề cho đảng viên, đoàn viên hội viên toàn tỉnh.

⁹ Chương trình “Ngày thứ 7 vì dân”; “Ngày thứ bảy vì nông thôn mới”, “Ngày Chủ nhật vì môi trường”, “Ngày Chủ nhật cùng nhân dân”, “mỗi ngày làm một việc tốt” ở các huyện, thành phố, đảng bộ Công an, Quân sự,...

¹⁰ Trong 03 năm (2021 - 2023), các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã biểu dương, khen thưởng 320 tập thể, 12 hộ gia đình và 554 cá nhân; cấp xã biểu dương, khen thưởng 932 tập thể và 1.321 cá nhân điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác.

Trong nhiệm kỳ, các cấp ủy tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan, tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo hướng giảm đầu mối, cấp trung gian, giảm số lượng cán bộ lãnh đạo, giảm biên chế, giảm chi phí hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động¹¹.

Về bộ máy của hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên được kiện toàn, củng cố, chất lượng ngày càng nâng cao, bám sát chức năng, nhiệm vụ theo Luật định; nội dung và phương thức hoạt động không ngừng đổi mới; thể hiện rõ vai trò của cơ quan quyền lực, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân; chất lượng và nội dung các kỳ họp được nâng lên; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và quyết định nhiều vấn đề quan trọng của địa phương; công tác tiếp xúc cử tri được tổ chức đúng quy định pháp luật và có nhiều cải tiến về nội dung, hình thức; hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn được tổ chức chặt chẽ, dân chủ và thiết thực.

Công tác lãnh đạo, điều hành của UBND các cấp có nhiều tiến bộ, đổi mới, hiệu quả; công tác phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đi vào nề nếp; thực hiện tốt quy chế phối hợp và các quy định về phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành; tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức chuyển biến tích cực, gần gũi gần gũi, khắc phục tình trạng sách nhiễu, phiền hà với nhân dân; công tác quản lý hành chính được tăng cường, chính quyền các cấp cơ bản thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật; công tác cải cách hành chính được quan tâm và chuyển biến, thủ tục hành chính theo cơ chế “*một cửa*”, “*một cửa liên thông*” được công khai rộng rãi, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp¹².

¹¹ Số lượng sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc UBND, HĐND cấp tỉnh: 23 cơ quan; số lượng phòng và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương: 123 phòng và tương đương (*giảm 03 phòng và tương đương*); giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã (*huyện: Cát Tiên 02, Đạ Tẻh 02; Đạ Huoai 01*); Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở và tương đương: 119 đơn vị (*giảm 13 đơn vị*); ; trực thuộc UBND cấp huyện: 746 đơn vị (*giảm 08 đơn vị*); 1.376 thôn, tổ dân phố (877 thôn, 499 tổ dân phố), (*giảm 165 thôn, tổ dân phố*).

Tổng số biên chế hành chính được giao là 2.502 biên chế (*giảm 282 so với biên chế được giao năm 2020*), đạt tỷ lệ 10% theo quy định; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được giao là 26.322 người (*giảm 2.925 người*), tương ứng 10% so với số giao năm 2020 và số giao bổ sung năm 2021; số cán bộ cấp xã là 1.330 người (*giảm 131 người, tỷ lệ 8,96%*); số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 1.322 người (*giảm 785 người, tỷ lệ 37,3%*); số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 4.128 người (*giảm 3.378 người, tỷ lệ 45%*) - **Số liệu Sở Nội vụ.**

¹² Hiện nay tổng số **thủ tục hành chính (TTHC)** đã được UBND tỉnh chuẩn hóa công bố là 1.896 thủ tục, trong đó TTHC cấp tỉnh là 1.413 thủ tục, TTHC cấp huyện là 324 thủ tục, TTHC cấp xã là 159 thủ tục. Đến nay, việc giải quyết TTHC **đảm bảo 100%** theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thực hiện tại 20/20 sở, ban, ngành, 12/12 huyện, thành phố và 142/142 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Sở Nội vụ và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã phối hợp tổ chức 10 chương trình gặp gỡ, đối thoại về cải cách hành chính (CCHC) phát sóng trực tiếp trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh.

Cải cách TTHC tiếp tục được chú trọng, tăng cường thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện Chỉ số **năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)** và **Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI)**. Đến nay, 100% sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.

Năm 2021, Chỉ số CCHC (*Par Index*) của tỉnh đạt 86,75 điểm, xếp thứ 29/63 tỉnh/thành (*tăng 3 bậc*); Chỉ số PAPI tăng mạnh (*45 bậc*) với 43,54 điểm, xếp thứ 18 so với năm 2020.

Năm 2022, PCI xếp thứ 17, tăng 6 bậc, đạt 67,62 điểm so với năm 2020 (xếp thứ 23, đạt 64,43 điểm); Par-Index xếp thứ 15, tăng 17 bậc, đạt 86,72 điểm, tăng 2,79 điểm so với năm 2020 (xếp thứ 32, đạt 83,93 điểm); PAPI xếp thứ 49, tăng 14 bậc, đạt 40,7 điểm, tăng 2,08 điểm so với năm 2020 (xếp thứ 63, đạt 38,62 điểm); SIPAS xếp thứ 45, giảm 15 bậc, đạt 78,17 điểm, giảm 7,89 điểm so với năm 2020 (xếp thứ 30, đạt 86,06 điểm).

MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng từ tỉnh đến cơ sở từng bước phát huy hiệu quả, nội dung, phương thức hoạt động đổi mới, tập trung hướng về cơ sở. Thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền, lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có nhiều chuyển biến¹³, nhiều ý kiến phản biện đã được các cơ quan soạn thảo tiếp thu, đánh giá cao, trở thành một kênh thông tin quan trọng, kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo¹⁴.

5. củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 24/5/2021 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2021 - 2025 để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Qua tổ chức thực hiện, phần lớn các cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, chất lượng sinh hoạt chi bộ có đổi mới, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ; đa số cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng thực hiện tốt quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ; gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đội ngũ cấp ủy viên từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được kiện toàn, đảm bảo về số lượng và chất lượng; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII,... đã tạo được những chuyển biến đáng kể; dân chủ trong Đảng và đồng thuận xã hội được phát huy; tỷ lệ xếp loại tổ chức đảng, đảng viên “*Không hoàn thành nhiệm vụ*” năm 2023 giảm so với năm 2022.

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 27/10/2022 để lãnh đạo, chỉ

Hiện nay, toàn Đảng bộ đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành qua phần mềm idoc, tiết kiệm được rất nhiều thời gian, giấy tờ, thủ tục; triển khai phần mềm công tác quản lý hồ sơ cán bộ (OMS).

¹³ Cấp tỉnh 32 cuộc, cấp huyện 181 cuộc và cấp xã 521 cuộc.

¹⁴ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ủy ban MTTQ tỉnh phối hợp với các tổ chức thành viên, các ngành trong tỉnh đã giám sát và tham gia giám sát 32 cuộc với các nội dung: Giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh (năm 2020, 2021, 2022); Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Hồ chứa nước Ta Hoét tại huyện Đức Trọng; Giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chủ tịch UBND cấp huyện (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021); Giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ năm 2023. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện và cấp xã giám sát, tham gia giám sát 702 cuộc (cấp huyện 181, cấp xã 521 chuyên đề).

đạo thực hiện. Năm 2023, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên theo chỉ tiêu Nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác phát triển đảng viên¹⁵, đưa ra nhiều giải pháp, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, kết quả đã tạo được sự chuyển biến tích cực, hiệu quả.

Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND; thí điểm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Toàn tỉnh hiện có 100% tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan Đảng, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đều do đồng chí thủ trưởng hoặc cấp phó các cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư, đồng chí trưởng/phó các phòng, ban là chi ủy viên, đảng ủy viên (*nơi có cấp ủy*); trong lực lượng công an (100%) thủ trưởng đơn vị đồng thời là bí thư cấp ủy. Có 08/12 huyện, thành phố thực hiện mô hình trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban MTTQ; 12/12 huyện, thành phố thực hiện trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm chính trị; 07/12 bí thư cấp ủy huyện, thành phố và 79/142 bí thư cấp xã đồng thời là chủ tịch HĐND cùng cấp; 16/142 xã, phường, thị trấn đang thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND; 591/1.376 thôn, tổ dân phố thực hiện mô hình bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận, tỷ lệ 42,95%¹⁶. Toàn tỉnh hiện còn 608 trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên, tỷ lệ 44,1%.

Việc đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm được thực hiện đúng theo tinh thần Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X “*Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới*”; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ¹⁷, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và theo dõi việc duy trì nề nếp sinh hoạt của chi ủy, chi bộ trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng; công tác chuẩn bị nội dung, quy trình sinh hoạt chi bộ, phương pháp điều hành nền nếp, khoa học hơn.

Công tác tự phê bình, phê bình luôn được xem là một trong các tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm; những nơi có vấn đề phức tạp, có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ hoặc vi phạm đều được cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên gợi ý kiểm điểm, yêu cầu báo cáo giải trình và trực tiếp dự, chỉ đạo, vì vậy, công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức tiến hành thực hiện nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng, nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính tự giác, nêu cao tinh thần tự phê bình, phê bình, thẳng thắn, mang tính xây dựng, đoàn kết, cầu thị, nghiêm túc.

¹⁵ Thông báo số 595-TB/TU, ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực trạng và giải pháp công tác phát triển đảng viên.

¹⁶ 183 đồng chí kiêm trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố; 408 đồng chí kiêm trưởng ban công tác mặt trận.

¹⁷ Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 15/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ, Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU, ngày 01/11/2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Công tác quản lý, giáo dục đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, thực hiện, qua kiểm điểm, đánh giá thực hiện nhiệm vụ hằng năm cho thấy đội ngũ đảng viên đều có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, những quy định, nội quy của cơ quan, đơn vị, địa phương. Công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên mới dù còn nhiều khó khăn, nhưng được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo¹⁸, bám sát chỉ tiêu nghị quyết, kế hoạch để lãnh đạo, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng (*từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh kết nạp được 3.847 đảng viên, đạt 67% chỉ tiêu*). Công tác rà soát, sàng lọc đảng viên ra khỏi Đảng được thực hiện nghiêm túc, từ đầu nhiệm kỳ đến nay đưa ra khỏi Đảng 467 trường hợp (*khai trừ 74 trường hợp, xóa tên 213 trường hợp, xin ra 180 trường hợp*).

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Thực hiện các nghị quyết, quy định của Trung ương về tổ chức bộ máy, biên chế và công tác cán bộ, trong nhiệm kỳ, các cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các chủ trương nhằm kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cũng như nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp gắn với thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 của Tỉnh ủy về “*tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”.

Quá trình thực hiện luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, quy trình các khâu trong công tác cán bộ. Tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số được các cấp ủy quan tâm đưa vào quy hoạch, bố trí cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước; bên cạnh đó, làm tốt công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, công tác quy hoạch cán bộ¹⁹. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, kỷ luật mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ và Thông báo số 20-TB/TW của Bộ Chính trị²⁰. Định kỳ rà soát, đánh giá, đưa ra khỏi quy hoạch hoặc điều chuyển công tác khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được cấp có thẩm quyền giao.

¹⁸ Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 01 hội nghị chuyên đề cấp tỉnh; 01 hội thảo, 01 diễn đàn, 06 buổi tọa đàm cấp huyện bàn các giải pháp về phát triển đảng viên.

¹⁹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất chủ trương: Bổ nhiệm 47 đồng chí; bổ nhiệm lại 27 đồng chí; điều động bổ nhiệm 61 đồng chí; hiệp y với một số cơ quan ngành dọc Trung ương bổ nhiệm 25 đồng chí; bổ nhiệm lại 17 đồng chí; chỉ định bổ sung cấp ủy các cấp và đảng đoàn 79 đồng chí. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025; 2021 - 2026 như sau: Đưa ra khỏi quy hoạch BCH Đảng bộ tỉnh 24 đồng chí; bổ sung 09 đồng chí; đưa ra khỏi quy hoạch BTV 08 đồng chí; bổ sung 07 đồng chí; đưa ra khỏi quy hoạch Phó chủ tịch HĐND 01 đồng chí; bổ sung 03 đồng chí; **đưa ra khỏi quy hoạch 02 đồng chí; bổ sung 04 đồng chí**; đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025: 03 đồng chí; đề nghị bổ sung 01 đồng chí; đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy: 04 đồng chí; đề nghị bổ sung 05 đồng chí; đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Chủ tịch HĐND tỉnh: 01 đồng chí; đề nghị bổ sung 03 đồng chí; đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Chủ tịch UBND tỉnh: 03 đồng chí; đề nghị bổ sung 03 đồng chí. Số lượng quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030: 58 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy 18 đồng chí; các chức danh Bí thư Tỉnh ủy 02 đồng chí; Phó Bí thư Tỉnh ủy: 06 đồng chí; Chủ tịch HĐND tỉnh: 02 đồng chí; Chủ tịch UBND tỉnh: 02 đồng chí; Trưởng đoàn ĐBQH: 01 đồng chí; Phó chủ tịch UBND tỉnh 07 đồng chí; Phó chủ tịch HĐND tỉnh: 03 đồng chí; Phó trưởng đoàn ĐBQH tỉnh: 02 đồng chí.

²⁰ Bố trí cán bộ sau kỷ luật 06 trường hợp (02 **đồng chí Ủy viên BTVTU**, 02 **đồng chí TUV**, 02 **đồng chí HUV**), trong đó, 05 trường hợp xin nghỉ trước tuổi, 01 trường hợp xin xuống làm cấp phó.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo giai đoạn và hàng năm được quan tâm, thường xuyên cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ dự nguồn phù hợp với yêu cầu thực tiễn; kết quả trong nhiệm kỳ đã đào tạo 3.433 lượt cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh để bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử²¹; đổi mới công tác tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong nhiệm kỳ là 2.086 trường hợp²²; công tác quy hoạch cán bộ ngày càng được nâng lên, bảo đảm về số lượng, chất lượng²³. Việc giới thiệu nhân sự bầu cử Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh.

Các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện hiệu quả Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 19-HD/BTCTW, ngày 10/9/2019 của Ban Tổ chức Trung ương; Quy định 58-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW, ngày 05/8/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Thường xuyên chỉ đạo nắm tình hình chính trị nội bộ, rà soát, xác minh, làm rõ và kết luận những trường hợp có vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay phục vụ công tác cán bộ và phát triển đảng viên mới; tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên có liên quan đến việc ra nước ngoài, quan hệ với tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã rà soát, thẩm tra, xác minh, thẩm định và kết luận về tiêu chuẩn chính trị 2.247 nhân sự tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; 563 trường hợp phục vụ công tác quy hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 và 2025 - 2030, 2026 - 2031; 139 trường hợp phục vụ công tác cán bộ; nhân sự đăng ký dự thi Kỳ thi tuyển công chức khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội,...

7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã tổ chức quán triệt, học tập và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng²⁴. Nhận thức của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng thời gian qua có sự chuyển biến tích cực, quan tâm lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, không còn tư tưởng “khoán trắng” nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cho ủy ban kiểm tra các cấp. Bộ máy tổ chức ủy ban kiểm tra

²¹ Đào tạo chuyên môn: Đại học 93 trường hợp; Sau Đại học 221 trường hợp; Đào tạo Lý luận chính trị: Trung cấp 254 trường hợp; Cao cấp: 53 trường hợp; Đào tạo tin học 32 trường hợp; Quốc phòng an ninh 2.768 trường hợp; ngoại ngữ 22 trường hợp.

²² Trong đó công chức cấp tỉnh 110 người, viên chức cấp tỉnh 959 người; công chức cấp huyện 169 người; viên chức cấp huyện 803 người; công chức cấp xã 45 người

²³ Kết quả quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 có 5/53, tỷ lệ cán bộ nữ 9,43%; nhiệm kỳ 2025-2030: 14/58, tỷ lệ cán bộ nữ 24,13%. Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025 có 2/20, tỷ lệ cán bộ nữ 10%; nhiệm kỳ 2025-2030 có 2/18, tỷ lệ cán bộ nữ 16%....

²⁴ Quy định 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương và Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 29/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, Hướng dẫn 02-HD/TW, ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung Quy định 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Kết luận 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng,...

các cấp đến nay cơ bản được củng cố và kiện toàn về số lượng, chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Cấp ủy các cấp quan tâm thực hiện công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra trong tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ ngành Kiểm tra.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời xây dựng Chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa. Ban hành Thông báo phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI phụ trách địa bàn, qua đó thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên và tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đề xuất kiểm tra, giám sát đối với địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách. Đồng thời, xây dựng các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Đảng bộ²⁵, nhất là Kế hoạch thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát đến năm 2030 và Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW, ngày 30/6/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện Kết luận 34-KL/TW.

Thường xuyên chỉ đạo sửa đổi và ban hành quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát. Trong nhiệm kỳ, đã ban hành 05 Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các cơ quan Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy. Ban hành Kế hoạch số 104-KH/TU, ngày 31/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đảng viên của chi bộ trong Đảng bộ tỉnh; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy²⁶. Chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng các quy chế phối hợp, thường xuyên bổ sung vào chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm; chủ động phối hợp với các ngành chức năng theo quy chế liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

Công tác tự kiểm tra, nắm tình hình, dự báo, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm từ sớm, từ xa được chỉ đạo thường xuyên, qua đó, kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm và chủ động khắc phục, chấn chỉnh; coi trọng kiểm tra, giám sát việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm. Từng bước nâng cao khả năng dự báo về những hành vi vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên để đề ra các chủ trương, biện pháp phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm từ xa, từ sớm. Phân công cán bộ phụ trách, địa bàn lĩnh vực, ngành, địa phương; thành lập các đoàn công tác để nghe cơ sở báo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng đảng, hệ thống chính trị tại địa phương, đơn vị; qua đó, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, khắc phục những thiếu

²⁵ Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát đến năm 2030 và Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW, ngày 30/6/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện Kết luận 34-KL/TW; Công văn chỉ đạo thực hiện Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương; Công văn về việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,...

²⁶ Quyết định số 1236-QĐ/TU, ngày 27/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1367-QĐ/TU, ngày 03/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1300-QĐ/TU, ngày 04/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định số 22-QĐ/TU, ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

sót, khuyết điểm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đề ra các biện pháp khắc phục có hiệu quả trong thời gian tới.

Việc kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở các lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng; việc kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới được quan tâm, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiều đổi mới, chủ động, quyết liệt trong triển khai thực hiện. Việc tiến hành kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt của địa phương, đơn vị được quan tâm; kiểm tra, giám sát tổ chức gắn với kiểm tra, giám sát cá nhân. Qua kiểm tra, kịp thời chỉ ra những khuyết điểm, vi phạm, cương quyết xử lý những sai phạm với phương châm “*không có vùng cấm*”, “*không có ngoại lệ*”; kiến nghị với cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo ở một số lĩnh vực có liên quan. Giám sát chuyên đề có chuyển biến rõ nét, đạt hiệu quả. Trong thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã bám sát quan điểm xem xét thi hành kỷ luật của Đảng là nghiêm minh, thận trọng, chặt chẽ, khách quan, chủ động, đúng người, đúng khuyết điểm, đúng quy trình, đồng bộ giữa xử lý kỷ luật đảng với kỷ luật chính quyền và đoàn thể.

Việc phối hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán Nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật; phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã có bước chuyển biến rõ nét, đồng bộ, trách nhiệm hơn, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ; một số vụ việc quan trọng, nổi cộm đã được các bên thông tin, phối hợp hiệu quả, kịp thời để giải quyết theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Việc thông tin kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện nghiêm túc góp phần cảnh báo, phòng ngừa, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên, được nhân dân ủng hộ.

8. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở²⁷. Thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo đồng thuận xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện phương châm công tác dân vận “*Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa*

²⁷ Công văn số 352-CV/TU, ngày 13/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 456-QĐ/TU, ngày 19/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 17/02/2022 về đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới; Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 22/02/2022 về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/06/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030; Công văn số 3534-CV/TU, ngày 01/02/2024 tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 27/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

vào dân và có trách nhiệm với nhân dân”. Quan tâm kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định,... của Đảng về công tác dân vận²⁸.

Phương thức tiến hành công tác dân vận của các cấp ủy đã có nhiều đổi mới, bám sát nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân thông qua đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” và “*Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới*”. Nội dung công tác dân vận đã tập trung giải quyết những vấn đề cụ thể, gắn tuyên truyền, vận động nhân dân với giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; gắn việc tập hợp, thu hút các tầng lớp nhân dân với thực hiện các dự án kinh tế - xã hội của tỉnh, củng cố tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Hình thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội khá đa dạng, phong phú, gắn với đặc điểm đối tượng và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Công tác dân vận trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tỉnh đã từng bước đi vào nề nếp và chất lượng; tinh thần, trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực; dân chủ được mở rộng, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy, góp phần quan trọng ổn định tình hình, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Mỗi quan hệ phối hợp giữa chính quyền với MTTQ, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội được củng cố, tăng cường, tạo thuận lợi trong vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền²⁹. Công tác củng cố xây dựng khối đoàn kết dân tộc được quan tâm; phát huy tốt vai trò của già làng,

²⁸ Báo cáo số 02-BC/TU, ngày 26/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư (khóa XI) về “*Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*”; Báo cáo số 40-BC/TU, ngày 04/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị khóa XI “*về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*”; Báo cáo số 290-BC/TU, ngày 27/09/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “*về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; Báo cáo số 310-BC/TU, ngày 10/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Báo cáo số 340-BC/TU, ngày 04/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, các bộ chủ chốt và đảng viên*”; Báo cáo số 357-BC/TU, ngày 28/02/2023 về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 27/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới*”; Báo cáo số 356-BC/TU, ngày 28/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới; Báo cáo số 410-BC/TU, ngày 26/06/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Quy định về việc MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Báo cáo số 434-BC/TU, ngày 26/07/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

²⁹ Từ năm 2020 đến nay: MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức thực hiện được 3.933 cuộc giám sát (cấp tỉnh 174 cuộc, cấp huyện 1143 cuộc và cấp xã 2.616 cuộc); tổ chức 18 cuộc phản biện: Dự thảo Đề án, Nghị quyết quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và những người hoạt động không chuyên trách, các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Phản biện dự thảo Nghị quyết và Quyết định về Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn các huyện, thành phố; phản biện dự thảo “*Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025*”.

người có uy tín trong dân tộc và các chức sắc tôn giáo góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận trên địa bàn tỉnh thời gian qua.

Những kết quả của công tác dân vận thời gian qua đã góp phần quan trọng tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao. Ngoài ra, Tỉnh ủy và các cấp ủy đã chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; quan tâm công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019, của Bộ Chính trị “*Về trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân*”. Hàng tháng, cấp ủy các cấp đều bố trí địa điểm và lịch tiếp công dân theo quy định, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh định kỳ tổ chức các hội nghị đối thoại lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để giải quyết kịp thời³⁰; nhiều ý kiến phản ánh, kiến nghị, tố cáo liên quan đến đạo đức, lối sống, hành vi tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, đảng viên để các cấp ủy nắm bắt và kịp thời xem xét xử lý theo quy định. Thường xuyên chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý vào các dự thảo Nghị quyết; tổ chức góp ý, phản biện đối với các chủ trương lớn của tỉnh. Các ý kiến phản biện, góp ý được các cơ quan tiếp thu, giải trình, góp phần hoàn thiện các văn bản, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Thông qua các chương trình giám sát, phản biện xã hội, vị trí, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được khẳng định, phát huy tốt vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và các cấp ủy quan tâm triển khai thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC); chú trọng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Công tác phát hiện, phòng, chống và xử lý đối với hành vi sai phạm về tham nhũng, tiêu cực được thực hiện đồng bộ, nghiêm túc với quyết tâm chính trị cao theo tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*” ở hầu hết các lĩnh vực và đạt kết quả nhất định, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, ủng hộ. Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy ban hành 17 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo về công tác đấu tranh, PCTNTC³¹.

³⁰ Quyết định số 1659-QĐ/TU, ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; Thông báo số 387-TB/TU, ngày 10/11/2022 về Kết luận Hội nghị đối thoại giữa đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh với nông dân trong tỉnh năm 2022.

³¹ Công văn số 4274-CV/TU, ngày 27/02/2020 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020. Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 26/02/2021 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 14-KH/TU, ngày 14/7/2021 về thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Công văn số 641-CV/TU, ngày 19/7/2021 về thực hiện Kết luận số 05-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Công văn số 760-CV/TU, ngày 24/8/2021 về việc khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. Chỉ thị số 16-CT/TU, ngày 15/02/2022 về lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính, PCTNTC và cải cách tư pháp năm 2022; Chương trình hành động số 32-CTr/TU, ngày 18/7/2022 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI về công tác nội chính, PCTNTC và cải cách tư pháp; Công văn số 1392-CV/TU, ngày 04/4/2022 về thực hiện Kết luận tại Phiên họp thứ 21 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC; Công văn số 1893-CV/TU, ngày 06/10/2022 về việc khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác PCTNTC trên địa bàn tỉnh. Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 06/02/2023 về tăng

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra về PCTNTC được quan tâm, thực hiện thường xuyên, liên tục, quyết liệt, chặt chẽ. Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh (*Ban Chỉ đạo tỉnh*) theo đúng cơ cấu, thành phần quy định, đã khẩn trương ban hành quy chế hoạt động, quy định phân công nhiệm vụ các thành viên. Sau khi Ban Chỉ đạo tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động, công tác PCTNTC đã tạo được sự chuyển biến tích cực, chất lượng, hiệu quả được nâng lên rõ rệt, tạo được khí thế đấu tranh PCTNTC. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh đã triển khai 25 cuộc kiểm tra, giám sát³². Qua kiểm tra, giám sát đã ban hành các kết luận, kiến nghị yêu cầu khắc phục các vi phạm, đồng thời chuyển Cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền; cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết đối với 04 vụ việc nổi cộm, phức tạp, vụ việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, để tồn tại kéo dài gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và cơ quan nhà nước tại địa phương. Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thi hành kỷ luật đối với 01 tổ chức đảng và 15 đảng viên.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chặt chẽ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm được xử lý nghiêm minh, qua đó có tác dụng cảnh báo, răn đe, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã theo dõi, chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý 41 vụ/71 trường hợp về tham nhũng, tiêu cực. Việc thu hồi tài sản tham nhũng có kết quả tích cực, trong đó thu hồi được 19.229.416.530 đồng/28.271.945.453 đồng, đạt tỷ lệ 68%.

Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo tỉnh đã đưa vào diện theo dõi, chỉ đạo 12 vụ án, vụ việc; trong đó có 04 vụ mà Ban Chỉ đạo Trung ương giao Tỉnh ủy Lâm Đồng chỉ đạo xử lý (*đã kết thúc chỉ đạo xử lý 01 vụ; đã báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương cho kết thúc chỉ đạo xử lý 01 vụ; đã giải quyết xong, đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương cho kết thúc chỉ đạo xử lý 01 vụ; đang xử lý kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan 01 vụ và 08 vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm khác trên địa bàn tỉnh*). Các vụ án, vụ việc về tham nhũng, tiêu cực đều được Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi chặt chẽ tiến độ giải quyết, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý.

cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác PCTNTC năm 2023. Quy định số 20-QĐ/TU, ngày 01/02/2023 về mua tin phục vụ công tác PCTNTC trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1108-QĐ/TU, ngày 21/02/2023 về ban hành Quy chế về công tác phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Đảng ủy Công an tỉnh, Ban cán sự đảng VKSND tỉnh, Ban cán sự đảng TAND tỉnh trong công tác nội chính, PCTNTC và cải cách tư pháp. Quyết định số 1367-QĐ/TU, ngày 03/8/2023 về ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trong công tác nội chính, PCTNTC và kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Ban Nội chính Tỉnh ủy ban hành 03 văn bản hướng dẫn, đôn đốc PCTNTC đối với: Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW, ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác phòng, chống tiêu cực; Chương trình hành động số 32-CTr/TU, ngày 18/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác nội chính, PCTNTC và cải cách tư pháp giai đoạn 2020 - 2025; Chỉ thị 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 04-HD/TW, ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc.

³² Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đối với Ban Thường vụ Huyện ủy: Đa Huoai, Đa Tềh, Đơn Dương, Đảng bộ Sở Thông tin và Truyền thông. Kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng đối với Ban Thường vụ Huyện ủy: Đa Huoai, Lạc Dương, Di Linh, Cát Tiên, Đức Trọng, Bảo Lâm, Đam Rông, Đơn Dương, Lâm Hà, Thành ủy Đà Lạt, Đảng ủy Sôr: Xây dựng, TN&MT, NN&PTNT. Giám sát, đôn đốc công tác PCTNTC đối với Ban Thường vụ Thành ủy Đà Lạt, Bảo Lộc; Huyện ủy Cát Tiên, Đa Huoai, Đa Tềh, Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng, Lạc Dương. Giám sát về công tác xét xử đối với Ban cán sự đảng TAND tỉnh.

Công tác kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác PCTNTC được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy quan tâm, lựa chọn cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức để lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có chức năng đầu tranh, PCTNTC tại địa phương. Ngoài ra, các cấp ủy đã chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực cho các cán bộ, công chức, bố trí, phân công những cán bộ có kinh nghiệm, kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.

Các cơ quan dân cử, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tuyên truyền, giáo dục nhân dân và các thành viên thực hiện đúng các quy định của pháp luật về PCTNTC; tiến hành phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện và kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTNTC; kiến nghị thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý và động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường hoạt động giám sát việc thực thi pháp luật và giám sát theo chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực³³.

10. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, trước hết là đổi mới, nâng cao chất lượng cụ thể hóa việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị,... của Đảng; đổi mới hình thức tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và việc sơ kết, tổng kết ở các cấp. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng. Đổi mới phương pháp, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin³⁴ để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã có nhiều đổi mới, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu được nâng lên. Tỉnh ủy, các cấp ủy đã chủ động, quyết liệt trong việc chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với tinh giản biên chế, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng được tăng cường; từng bước khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, việc phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị ngày càng chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Công tác tổng kết thực tiễn, cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc được chú trọng. Đã ban hành nhiều quy định, điều chỉnh, sửa đổi nhiều quy định, chủ trương trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã góp phần nâng cao năng lực cầm quyền, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, hiệu quả của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương.

³³ Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã thực hiện 05 cuộc giám sát. Các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện 06 cuộc giám sát chuyên đề.

³⁴ Hệ thống: ISO 9001:2000; E-Gov (*khối chính quyền*); iDoc (*khối Đảng*) được ứng dụng rộng rãi; phần mềm OMS về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang được triển khai.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

1. Đối với Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

1.1. Việc thực hiện 03 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tại Đảng bộ tỉnh

- *Công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*: Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tiếp tục được chỉ đạo đẩy mạnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khoá XII, Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gắn với thực hiện các quy định của Đảng về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, xem đây là nội dung quan trọng, thường xuyên trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, giáo dục đảng viên; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và PCTNTC; đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; sâu sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo giải quyết những vấn đề nổi cộm, phát sinh, khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tạo chuyển biến tích cực, đồng bộ,...

Tuy nhiên, vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo của cấp ủy cấp trên có thời điểm chưa chặt chẽ, chưa đi vào chiều sâu. Việc kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 ở một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa sâu sát với tinh thần “tự soi”, “tự sửa”, có nơi còn nể nang, ngại va chạm; các giải pháp sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm còn chung chung, tính khả thi chưa cao, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Vai trò nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên có lúc, có việc chưa cao. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có người đứng đầu thiếu tiên phong, gương mẫu. Chuyển biến về nội dung, hình thức, chất lượng sinh hoạt chi bộ nhìn chung còn chậm và chưa đồng đều giữa các loại hình tổ chức đảng. Công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa thường xuyên, chưa có trọng tâm, trọng điểm, nội dung kiểm tra chưa sâu, kỹ; việc khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm của một số cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên sau kiểm tra, giám sát chưa đạt hiệu quả cao.

- *Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở Đảng bộ tỉnh*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 12/10/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kịp thời quán triệt, triển khai, cụ thể hóa và sửa đổi, bổ sung các quy định, nghị quyết, kết luận, thông báo, ... của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác cán bộ. Lãnh đạo triển khai thực hiện bước đầu có hiệu quả Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; đưa chỉ tiêu đổi mới, sáng tạo vào Nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký thực hiện các mô hình mới, ý tưởng sáng tạo; qua đó khuyến khích, thúc đẩy, khơi dậy sự đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong cán

bộ, đảng viên thời gian qua. Ban hành Thông báo số 383-TB/TU, ngày 07/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cấp sau khi bị kỷ luật.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung, phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trong nhiệm kỳ đảm bảo theo quy định, kế hoạch đề ra. Xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, nhiệm kỳ tới đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn điều kiện, quy trình theo quy định. Nhìn chung, công tác rà soát, bổ sung quy hoạch và xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ mới được thực hiện nghiêm túc về quy trình, cơ bản đảm bảo về cơ cấu, số lượng; chủ động không quy hoạch số lượng tối đa theo quy định, để bổ sung sau; nhân sự đưa vào quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện; việc thẩm định nhân sự, kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ.

Lãnh đạo và thực hiện công tác nhân sự thường xuyên đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy trình theo quy định. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thực hiện công tác cán bộ đối với hơn 175 trường hợp. Đến nay, hầu hết các đồng chí được luân chuyển, điều động và bố trí công việc mới đều an tâm công tác, phát huy năng lực, kinh nghiệm và sở trường công tác. Việc tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức khối Nhà nước sang khối Đảng, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và ngược lại; xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện được thực hiện đúng quy định.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, từng bước đổi mới, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ theo quy hoạch và gắn với tiêu chuẩn chức danh. Lãnh đạo hoàn thành tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hàng năm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp, nghỉ hưu, nghỉ thôi việc được ban tổ chức cấp ủy tham mưu và thực hiện kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo tổng kết và ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và một số cán bộ, đảng viên về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự đầy đủ, đúng mức. Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức có một số nơi chưa đồng đều; hiệu quả công tác tham mưu có mặt còn hạn chế, có lúc chưa thật sự chủ động, sáng tạo; đội ngũ cán bộ vẫn còn tình trạng vừa thiếu, vừa thừa; cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số có nơi, có lúc chưa hợp lý. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ tại một số cấp ủy chưa thật sự quyết liệt, thường xuyên, chưa mạnh dạn thay thế một số trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín thấp. Chưa phát huy hết vai trò giám sát của cơ quan dân cử; giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Một số trường hợp cán bộ khi bố trí công tác còn gặp khó khăn trong công tác thực tiễn, hòa nhập với môi trường mới; tâm lý ngại va chạm, tinh thần năng động, dám nghĩ, dám làm và chịu trách nhiệm chưa thật cao; vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa thể hiện vai trò gương mẫu, giảm sút về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, giảm niềm tin trong nhân dân.

Xây dựng tổ chức bộ máy, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức: Lãnh đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa XII*), Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ,... về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Qua thực hiện, toàn tỉnh đã tinh giảm 180/1.382 biên chế, với tỷ lệ 13,02%; sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm 01 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; giảm 67 phòng, ban và tương đương thuộc các cơ quan cấp tỉnh; giảm 11 phòng, ban chuyên môn cấp huyện; giảm 333 lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính (*trong đó cấp huyện 162 người; cấp tỉnh 171 người*); giảm 400 lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập (*cấp trưởng 135 người, cấp phó 265 người*). Kịp thời chỉ đạo sơ kết, tổng kết một số mô hình thí điểm và nhân rộng những mô hình mới có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (*khóa XII*) và Kết luận số 34-KL/TW, ngày 07/8/2018, Kết luận số 74-KL/TW, ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị,... Sắp xếp tổ chức, bộ máy, biên chế gắn với Đề án vị trí việc làm đối với 12 thành ủy, huyện ủy và 02 Đảng ủy Khối; sửa đổi và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác các ban của Tỉnh ủy. Chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 và Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026,...

Tuy nhiên, việc lãnh đạo thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm, lúng túng, chưa đồng bộ, do vướng nhiều cơ chế, chính sách từ Trung ương chậm ban hành. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII ở một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị phát sinh hạn chế, khó khăn trong tổ chức hoạt động. Tinh giản biên chế chưa thật sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều.

1.2. Đối với 03 đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII ở Đảng bộ tỉnh

- *Hoàn thiện thể chế liên quan đến xây dựng Đảng và hệ thống chính trị:* Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành nhiều chủ trương, Nghị quyết để triển khai thực hiện, xác định đây là điểm mới trong nhiệm kỳ qua; chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và các văn bản liên quan đã được các cấp ủy quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được một số kết quả nhất định; đẩy mạnh cải cách hành chính, ban hành nhiều bộ thủ tục nhằm tạo chuyển biến thực sự trong công tác cải cách thủ tục hành chính (*cả khối Đảng và khối Nhà nước*). Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã kịp thời cụ thể hóa, sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác xây dựng Đảng (*11 nghị quyết, 23 chỉ thị, 25 quy định, 08 quy chế, 25 quy định, 04 đề án, 18 chương trình, ...*).

Qua đó, năng lực cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng và các văn bản của Trung ương, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên của các cấp ủy

đảng có đổi mới; nội dung, nhiệm vụ, giải pháp khi cụ thể hóa có trọng tâm, trọng điểm, cơ bản sát tình hình thực tế của địa phương, được tổ chức lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành và được điều chỉnh, bổ sung qua các kỳ sơ kết, tổng kết. Trong tổ chức, triển khai thực hiện, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy, các cơ quan, ban, ngành và từng đồng chí cấp ủy viên. Một số cấp ủy, tổ chức đảng đã mạnh dạn chọn những vấn đề bức xúc, nổi cộm, chính đáng, được nhân dân quan tâm để bàn bạc, thảo luận trong cấp ủy, chi bộ và xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Tuy nhiên, việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Đảng có lúc, có nơi còn chậm; chất lượng chưa cao, nhiều nội dung có sự trùng lặp ở các cấp, các ngành; việc vận dụng và tổ chức thực hiện còn hạn chế, thiếu kiểm tra, giám sát. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức tổ chức, hoạt động giữa Đảng, Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội có lúc, có nơi chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp. Tổ chức bộ máy của một số cơ quan trong hệ thống chính trị còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, đầu mối, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới với việc hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đổi mới sáng tạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy luôn quan tâm chỉ đạo phát huy dân chủ, thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát quyền lực. Tổ chức các hội nghị có nhiều đổi mới, dành thời gian thỏa đáng để thảo luận trước khi quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền; những vấn đề phức tạp hoặc còn ý kiến khác nhau đều được phân tích, giải trình cụ thể, tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong tổ chức thực hiện. Trong thực hiện nhiệm vụ, đã xác định nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; có tư duy đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, có tác phong, phương pháp làm việc khoa học, quyết đoán, hiệu quả, thể hiện tốt vai trò người đứng đầu; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả khắc phục những khuyết điểm, hạn chế chỉ ra; lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị hàng năm thể hiện sự sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả, với tinh thần trách nhiệm cao, sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống; sâu sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Tuy nhiên, việc phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định của Đảng ở một số nơi vẫn còn hạn chế; tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên ở một số nơi chưa cao; tính chủ động trong thực hiện đổi mới, sáng tạo chưa nhiều, còn có tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phân cấp, phân quyền; kiểm tra, giám sát; kiểm soát quyền lực*: Các cấp ủy đã có nhiều chuyển biến trong công tác đấu tranh PCTNTC, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trước hết là sự gương mẫu,

quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác PCTNTC theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các chủ trương, chính sách về PCTNTC được ban hành thành các nghị quyết, chỉ thị và cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch hành động để triển khai thực hiện. Thường xuyên chỉ đạo xây dựng, cụ thể các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phân cấp, phân quyền, về kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực để thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực; kịp thời xử lý, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện chưa rõ ràng, cụ thể, việc phân công và tổ chức thực hiện có lúc còn lúng túng. Hoạt động phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực vẫn còn hạn chế, đặc biệt là trong nội bộ cơ quan, đơn vị. Một số đơn vị chưa thực hiện tốt vai trò, chức trách trong tham mưu giúp việc cho cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là tham mưu cấp ủy chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài. Công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi chưa thường xuyên, quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm.

2. Đối với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh xác định 04 khâu đột phá, trong đó có 01 nội dung liên quan đến công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, cụ thể: *“Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử”*.

Kết quả thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước, Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP; Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 03/02/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện cải cách hành chính; cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng; từng bước khắc phục sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính nhà nước; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản được đào tạo, đảm bảo trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân; bộ thủ tục hành chính của tỉnh thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa theo hướng gọn nhẹ, đơn giản trên một số lĩnh vực, cắt giảm 20% thời gian giải quyết; bước đầu chuyển giao việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện cho Bru

điện tỉnh; triển khai thanh toán trực tuyến; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho cán bộ, công chức, viên chức; tạo thuận lợi và nhiều kênh để người dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm.

Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cán bộ thông qua tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để thực hiện công tác cán bộ, quy trình công tác cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ và theo quy định của Trung ương. Bước đầu thực hiện có hiệu quả việc áp dụng thí điểm (*rà soát, bổ sung quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử*) không sử dụng văn bản giấy để thực hiện cải cách thủ tục, hồ sơ trong công tác cán bộ thông qua phần mềm hệ thống OMS.

Chú trọng tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm:

+ Giai đoạn 2016 - 2021:

(1) Biên chế khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được giao là 1.382 biên chế; thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các quyết định điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, trong đó phê duyệt cho các địa phương, cơ quan, đơn vị khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội (năm 2021) là 1.203 biên chế. Như vậy, giai đoạn 2016 - 2021 tỉnh Lâm Đồng đã tinh giản 179/1.382 biên chế, đạt tỷ lệ 12,95%.

(2) Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước được giao cho địa phương (năm 2021) là 2.502 biên chế, giảm 282 biên chế (*sau khi chuyển 43 biên chế về Bộ Công thương và bổ sung 07 biên chế công chức để thực hiện sáp nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*), tương ứng giảm 10% so với năm 2015 (2.773 người). Số lượng người làm việc (*biên chế sự nghiệp*) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã được Bộ Nội vụ giao là 26.322 người, giảm 2.925 người so với năm 2015 (*Số được giao năm 2015 là 29.045 người, năm 2019 được giao bổ sung 202 người*), tương ứng giảm 10% so với số được giao năm 2015 và số giao bổ sung năm 2019.

+ Giai đoạn 2022 - 2026: Triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 06/12/2022 về quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2026; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND, ngày 04/01/2023 về quản lý biên chế công chức, viên chức của chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2026 để thực hiện. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở tinh giản biên chế theo từng năm và đảm bảo đến năm 2026 tổng biên chế của toàn tỉnh tinh giản tối thiểu 5% biên chế công chức và tối thiểu 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với số biên chế được giao năm 2022.

+ Biên chế tính đến năm 2023:

(1) Ban Tổ chức Trung ương giao cho các cơ quan khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2022 là 1.091 biên chế, đến năm 2026 là 1.019 biên chế (*giảm 72 biên chế, trong đó công chức giảm 65 biên chế tương ứng tỷ lệ tinh giản 5%; viên chức giảm 07 biên chế tương ứng tỷ lệ tinh giản 10%*). Năm 2023, biên chế các cơ quan khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được giao 1.080 biên chế (*giảm 11 biên chế so với năm 2022*).

(2) Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2023 là 2.488 biên chế (*giảm 21 biên chế so với năm 2022*). Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 là 25.698 biên chế (*giảm 624 biên chế so với năm 2022*).

+ Việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với Đề án vị trí việc làm được chú trọng thực hiện. Theo đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh từng bước được nâng cao chất lượng và cơ cấu lại theo ngành, chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm; công tác tuyển dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng,... cán bộ, công chức, viên chức có sự đổi mới, đạt hiệu quả tích cực.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã xác định đúng quan điểm chỉ đạo trong công tác xây dựng Đảng, đó là: *“Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và trở thành tỉnh khá của cả nước”* và được cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt, kịp thời trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức; công tác dân vận; kiểm tra, giám sát; PCTNTC được triển khai thực hiện hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục có nhiều đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác vận động, tập hợp, đoàn kết đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo. Chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền được nâng lên. Hoạt động của HĐND và chính quyền các cấp có nhiều đổi mới, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên.

Nguyên nhân của ưu điểm:

Trung ương đã ban hành nhiều văn bản về công tác xây dựng chính trị Đảng. Được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các bộ, ngành Trung ương. Sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, phát huy vai trò trung tâm đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, tạo sự lan tỏa trong toàn Đảng bộ; sự ủng hộ đồng hành và giám sát của HĐND tỉnh; sự vào cuộc quyết liệt, quyết tâm, phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị; chỉ đạo điều hành đúng hướng, quyết liệt, thống nhất, bài bản, khoa học, sát thực tiễn của UBND tỉnh. Giữ vững nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; kiên định mục tiêu đề ra, bản lĩnh, chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kịp thời đề ra các giải pháp ứng phó, giải quyết tốt các khó khăn, thách thức phát sinh từ thực tiễn.

Cấp ủy, chính quyền các cấp thể hiện sự chủ động, quyết liệt và đổi mới, sát tình hình thực tiễn, trong lãnh đạo, điều hành, trong việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Toàn Đảng bộ tỉnh đã bám sát các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Sự kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo, chỉ đạo với phân công, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

Công tác phòng, chống tham nhũng, kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh, xử lý nghiêm các sai phạm, không có vùng cấm. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý kiên quyết các sai phạm, góp phần duy trì, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Trung ương đã ban hành nhiều văn bản về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng giúp cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có hiệu quả.

Phát huy vai trò MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội trong vận động nhân dân thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng thiết thực, sát yêu cầu, nhiệm vụ địa phương.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

- Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng của một số cấp ủy có lúc chưa kịp thời, phương pháp chưa có nhiều đổi mới. Việc cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái, xuyên tạc đôi khi chưa kịp thời. Công tác nắm bắt, dự báo tình hình, thông tin, định hướng báo chí chưa tốt.

- Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng chuyên môn chưa mạnh, tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo còn hạn chế; xuất hiện tình trạng cán bộ, đảng viên thiếu năng động, sáng tạo, sợ trách nhiệm ở một ngành, địa phương. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu một số nơi thiếu quyết liệt.

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn diễn ra, dẫn đến có cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải xử lý kỷ luật³⁵. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ còn chậm; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu một số nơi chưa phát huy đúng mức. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi còn hình thức, chưa đi vào chiều sâu.

- Công tác PCTNTC ở một số nơi chưa chuyển biến; việc phát hiện, xử lý tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công còn diễn ra. Vai trò, trách nhiệm một

³⁵ Trong nhiệm kỳ, có 02 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh bị khai trừ ra khỏi Đảng, 02 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỷ luật bằng hình thức “*khiển trách*”; 03 đồng chí Tỉnh ủy viên bị kỷ luật trong đó: 02 **đồng chí kỷ luật** bằng hình thức “*cảnh cáo*” và 01 “*khai trừ ra khỏi Đảng*”.

số cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chưa được phát huy; xác định nội dung, đối tượng kiểm tra thiếu trọng tâm, trọng điểm; một số vấn đề bức xúc, nổi cộm, gây dư luận tại một số địa phương, đơn vị chưa được chỉ đạo, kiểm tra, xử lý kịp thời; việc tự phát hiện, kiểm tra, xử lý ngay từ cơ sở chuyển biến chậm, vẫn là khâu yếu.

- Lãnh đạo công tác dân vận có lúc chậm đổi mới, việc nắm tình hình có lúc, có nơi chưa sâu sát, thiếu kịp thời. Công tác dân vận chính quyền chưa quan tâm đúng mức; việc nắm bắt, giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong nhân dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua ở một số địa phương, cơ sở còn thiếu đồng bộ. Vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở còn lúng túng, chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

- Vai trò lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, đảng viên còn hạn chế; trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được phát huy mạnh mẽ, chưa bám sát thực tiễn địa phương, cơ sở, xử lý các vấn đề nổi cộm chưa kịp thời, lúng túng; còn tâm lý lo ngại, e dè, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, hoặc không mạnh dạn tham mưu triển khai nhiệm vụ được giao theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị (*khóa XIII*); chưa nghiêm túc, quyết liệt, chậm trễ trong thực hiện chỉ đạo của cấp trên.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn lơ là, mất cảnh giác, chủ quan, bị động, lúng túng hoặc cứng nhắc, chưa đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các tình huống cụ thể, đột xuất; còn hạn chế, bất cập trong phân tích, dự báo tình hình, trong xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, kế hoạch.

- Sự phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương chưa thường xuyên, đồng bộ, chặt chẽ, nhất là việc xử lý các vấn đề mới phát sinh. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành một số cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu chưa năng động, sáng tạo, quyết liệt; cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chưa theo kịp yêu cầu.

- Năng lực của cán bộ còn hạn chế, chưa quyết liệt, nhạy bén, bên cạnh đó còn tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong triển khai công vụ. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, phát hiện, xử lý vi phạm trên một số mặt chưa kịp thời, kiên quyết, triệt để.

- Một số nơi, cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự sát dân, không nắm chắc diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Công tác tuyên truyền, vận động chưa gắn liền với giải quyết những bức xúc, nhu cầu chính đáng của nhân dân,... Bên cạnh đó, các luồng thông tin dư luận, trang mạng xã hội của các thế lực thù địch, chống phá luôn tác động tiêu cực đến quần chúng nhân dân.

3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát chủ trương, nghị quyết của Đảng; kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ

XI và các chủ trương của Đảng; tổ chức thực hiện quyết liệt, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở; kiên trì, kiên định thực hiện mục tiêu, đồng thời thích ứng linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, bảo đảm nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; tập trung công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy; tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả điều hành của chính quyền theo quy định.

- Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng. Năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Xác định công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân; xây dựng, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội; giải quyết kịp thời những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, *“nói đi đôi với làm”*; chủ động, linh hoạt, thống nhất trong tổ chức thực hiện, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kỹ nguyên nhân kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, kịp thời rút kinh nghiệm gắn với nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh. Thường xuyên rà soát, đánh giá, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu; xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Trong những năm tới, hòa bình và hợp tác phát triển trong khu vực và quốc tế vẫn là xu thế chính. Kinh tế - xã hội trong nước dự báo tiếp tục có sự tăng trưởng; nhiều chủ trương mới của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống, tạo động lực trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục tiềm ẩn nguy cơ; các thế lực thù địch không ngừng chống phá vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền. Sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chậm được đẩy lùi, đã ảnh hưởng tới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng.

1. Phương hướng

Trong thời gian tới, trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự

cân đối ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ tỉnh:

(1) Phải kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng;

(2) Tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét, hiệu quả trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị;

(3) Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

(4) Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên;

(5) Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, xây dựng khối đoàn kết thống nhất, củng cố niềm tin của dân, phát huy hơn nữa công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, góp phần lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Xây dựng Đảng về chính trị

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên luôn thấm nhuần, trung thành, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đường lối đổi mới của Đảng và những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng; nâng cao năng lực dự báo, kịp thời cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào thực tiễn địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) gắn với đợt sinh hoạt chính trị về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đảm bảo kịp thời. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và đội ngũ nhà báo, phóng viên, giáo viên, văn nghệ sĩ, trí thức, trách nhiệm của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; siết chặt kỷ luật phát ngôn; triển khai thực hiện nghiêm Quy định số 85-QĐ/TW của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet, mạng xã hội.

- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là những vấn đề mới, vấn đề khó phát sinh trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ báo cáo viên các cấp.

2.2. Xây dựng Đảng về tư tưởng

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng, kết hợp giữa xây và chống, bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh giáo dục truyền thống cách mạng, tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng; kịp thời hơn trong chỉ đạo xử lý thông tin, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội. Tăng cường các

biện pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch. Làm tốt công tác nắm bắt, dự báo tình hình, thông tin, định hướng báo chí.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, quản lý và định hướng hoạt động báo chí; phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu lý luận. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp, tăng cường hiệu quả hoạt động giảng dạy lý luận chính trị, chất lượng giảng viên, báo cáo viên nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Xây dựng Đảng về đạo đức

- Nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thượng tôn pháp luật, xây dựng Đảng nghiêm minh gắn với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với căn bệnh chủ nghĩa cá nhân.

- Có giải pháp hiệu quả nâng cao tinh thần, trách nhiệm tiết kiệm, kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTNTC, lãng phí; xây dựng mối quan hệ hài hoà của đảng viên với tập thể, với cộng đồng dân cư và toàn xã hội.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của báo chí, truyền thông và văn học, nghệ thuật trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức. Xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng của tổ chức đảng, đảng viên; nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên; tăng cường giáo dục lịch sử, truyền thống, đạo đức cách mạng; đẩy mạnh đấu tranh với những hành vi phi đạo đức, các quan điểm sai trái về đạo đức, lối sống.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, XII, Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ; thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương và Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp,...

2.4. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Quan tâm chỉ đạo sắp xếp và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với Đề án vị trí việc làm và việc tinh giản biên chế, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) và Kết luận số 50-KL/TW, ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 và Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 theo tinh thần Kết luận số 48-KL/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra, nhằm tạo đột phá phát triển cho địa phương. Quan tâm chia sẻ, động viên, giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với những trường hợp bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp; đổi mới nội dung, hình thức các kỳ họp, việc tiếp xúc cử tri, giám sát và tiếp thu ý kiến của cử tri. Đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính. Xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Tiếp tục rà soát cắt giảm, đơn giản hóa toàn bộ các quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để tháo gỡ mọi rào cản, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Nâng cao chất lượng phục vụ, gắn với việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

- Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tập hợp, hướng về cơ sở, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua yêu nước. Tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân.

2.5. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Bám sát các nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng và quy chế làm việc của cấp ủy để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phát huy dân chủ, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở. Đề cao tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm và vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên, bí thư cấp ủy đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên; tăng cường công tác quản lý đảng viên, kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên mới, bảo đảm số lượng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tạo môi trường, khuyến khích cán bộ, đảng viên đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao trách nhiệm nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thông qua sản phẩm, hiệu quả công việc.

2.6. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong đó, chú trọng đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; tuyển chọn, phân công, bố trí cán bộ đúng người, đúng việc, đúng sở trường, đảm bảo phát huy năng lực, kinh nghiệm của cán bộ; khuyến khích cán bộ đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền. Quan tâm rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Kịp thời cụ thể hóa và thực hiện tốt các văn bản của Trung ương về công tác cán bộ.

- Quan tâm thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng nắm vấn đề chính trị hiện nay; làm tốt công tác rà soát, thẩm định, thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên, phục vụ công tác cán bộ và phát triển đảng viên mới.

2.7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

- Thường xuyên nghiên cứu, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết,... của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; xác định rõ nội dung, đối tượng kiểm tra; kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm, dư luận quan tâm.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tập trung kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng, quy chế làm việc; sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kê khai tài sản, thu nhập,... theo phương châm giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; tăng cường giám sát chuyên đề kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém, xử lý nghiêm minh các vi phạm.

- Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát ngay từ cơ sở, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm từ đầu, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Thực hiện tốt công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng.

- Công tác thi hành kỷ luật đảng phải được thực hiện nghiêm minh không có “vùng cấm”, “ngoại lệ”; rõ đến đâu, kết luận đến đâu, vi phạm đến đâu xử lý đến đâu; tiến hành đồng bộ giữa kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính, đoàn thể. Thực hiện nghiêm việc khắc phục các khuyết điểm, vi phạm sau kiểm tra, giám sát.

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tạo sức mạnh tổng hợp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, không để chồng chéo, trùng lặp, lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ.

- Ủy ban kiểm tra các cấp cần nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho cấp ủy; đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương pháp, quy trình, kỹ năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Nhảy bén trong việc nắm tình hình, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm với tinh thần chủ động, nỗ lực, quyết tâm cao và hành động quyết liệt hơn. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp, bảo đảm số lượng, nâng cao về chất lượng, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.8. Công tác dân vận và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng, nhất là đổi mới công tác dân vận chính quyền, phát huy quyền làm chủ của dân; kịp thời nắm tình hình cơ sở, giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật trên cơ sở. Tiếp tục thực hiện phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân làm một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng. Chú trọng đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của dân, góp phần củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tích cực, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

2.9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, với quyết tâm cao hơn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, tiêu cực. Gắn PCTNTC với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng bộ, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTNTC. Thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích người đứng đầu kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực; cơ chế bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát có hiệu quả tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; mở rộng phạm vi PCTNTC ra ngoài khu vực nhà nước.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (*nội chính, kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án*) và các cơ quan tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTNTC. Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong đấu tranh PCTNTC. Chú trọng phát hiện, xử lý tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm tình trạng những nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh PCTNTC, lãng phí.

2.10. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 10/3/2023 của Tỉnh ủy. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành chủ trương, nghị quyết, chỉ thị. Đổi mới hình thức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát quyền lực; gắn trách nhiệm về Đảng với trách nhiệm về chính quyền. Nâng cao chất lượng sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới tổ chức bộ máy, quy trình tổ chức thực hiện, phương pháp, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và đổi mới công tác cán bộ.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- (1) Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ.
- (2) Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.
- (3) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng.
- (4) Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
- (5) Nâng cao chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát.

3.2. Giải pháp đột phá

(1) Đột phá trong công tác cán bộ. Giải pháp: Nâng cao chất lượng cán bộ thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nhất là bồi dưỡng năng lực thực tiễn, khả năng dự báo, dự đoán. Phát huy trách nhiệm người đứng đầu. Khuyến khích cán bộ, đảng viên có tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

(2) Đột phá trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Giải pháp: Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư

tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên; tăng cường công tác quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách; xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng phát triển đảng viên, giảm tỷ lệ đảng viên ra khỏi Đảng.

(3) Đột phá công tác đấu tranh PCTNTC. Giải pháp: Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, tiêu cực và bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*”. Coi PCTNTC là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nhân dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự trong đấu tranh PCTNTC. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong của cán bộ, đảng viên, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*),
- Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV (*báo cáo*),
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BTVTU, Tỉnh ủy viên,
- Tiểu ban Văn kiện, Tổ Biên tập XD Đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự Đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẢN
VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG DO CẤP ỦY CẤP TỈNH BAN HÀNH
Nhiệm kỳ 2020 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/ 3/2024 của Tỉnh uỷ)

Biểu số 1

TT	Thể loại văn bản	Số lượng
Tổng số văn bản		5320
1	Nghị quyết	11
2	Quyết định	1438
3	Chỉ thị	23
4	Kết luận	752
5	Quy chế	08
6	Quy định	25
7	Thông báo	321
8	Hướng dẫn	0
9	Chương trình	18
10	Kế hoạch	80
11	Đề án	04
12	Văn bản khác	2629

Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025 để trình Hội nghị Trung ương và Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG
ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/ 3/2024 của Tỉnh uỷ)

Biểu số 2

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Quận		
2	Huyện	10	10
3	Thị xã		
4	Thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố	2	2
5	Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, thành phố	1	1
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố	1	1
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, thành phố		
8	Quân sự	1	1
9	Biên phòng		
10	Công an	1	1
11	Đảng bộ khác**		
	Tổng cộng	16	16

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

(**) Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ VÀ ĐẢNG VIÊN

Nhiệm kỳ 2020 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 3

Loại hình	Số đơn vị hành chính, tổ chức, cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng				Tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở		Tổng số đảng viên
	Số lượng	Trong đó: số chưa có tổ chức đảng	Tổng số	Chia ra			Chia ra		
				Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc**	
1	2	3	4 (= 5 + 6 + 7)	5	6	7	8	9	10
31/12/2020									
1. Xã	111	0	111	0	111	0	0	1.571	17.101
2. Phường	18	0	18	0	18	0	0	399	8.375
3. Thị trấn	13	0	13	0	13	0	0	340	6.044
4. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	109	50	59	0	5	54	0	25	974
5. Cơ quan Nhà nước	250	27	223	0	21	202	0	141	3.730
6. Đơn vị sự nghiệp, gồm:	228	61	167	0	37	130	0	213	4.528
a) Công lập	223	58	165	0	35	130	0	208	4.485
b) Ngoài công lập	5	3	2	0	2	0	0	5	43
7. Quân đội	17	0	17	0	17	0	0	72	1.016
8. Công an	39	0	39	0	28	11	0	197	2.627
9. Doanh nghiệp và hợp tác xã	3085	2.971	114	0	23	91	0	148	2.779
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước	69	9	60	0	17	43	0	123	1.955
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ	38	3	35	0	8	27	0	84	1.287
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	23	6	17	0	7	10	0	25	510
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	8	0	8	0	2	6	0	14	158
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước	2845	2.791	54	0	6	48	0	25	824
- Công ty Cổ phần	283	244	39	0	6	33	0	25	650
- Doanh nghiệp tư nhân	455	454	1	0	0	1	0	0	24
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	2063	2.050	13	0	0	13	0	0	142
- Công ty hợp danh	10	10	0	0	0	0	0	0	0
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài	34	33	1	0	0	1	0	0	8
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài	22	21	1	0	0	1	0	0	8
c) Hợp tác xã	171	171	0	0	0	0	0	0	0
10. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. Cơ sở khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cộng (1+....+11)	3870	3.109	761	0	273	488	0	3.106	47.174
31/12/2023*	0	0							
1. Xã	111	0	111	0	111	0	0	1.558	18.171
2. Phường	18	0	18	0	18	0	0	399	9.178
3. Thị trấn	13	0	13	0	13	0	0	331	6.537
4. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	116	50	66	0	4	62	0	19	959
5. Cơ quan Nhà nước	257	27	230	0	21	209	0	130	3.844
6. Đơn vị sự nghiệp, gồm:	219	56	163	0	35	128	0	207	4.771
a) Công lập	215	53	162	0	34	128	0	202	4.728

Loại hình	Số đơn vị hành chính, tổ chức, cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng				Tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở		Tổng số đảng viên
	Số lượng	Trong đó: số chưa có tổ chức đảng	Tổng số	Chia ra			Chia ra		
				Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc**	
1	2	3	4 (=5+6+7)	5	6	7	8	9	10
b) Ngoài công lập	4	3	1	0	1	0	0	5	43
7. Quân đội	17	0	17	0	17	0	0	70	808
8. Công an	38	0	38	0	29	9	0	187	2.388
9. Doanh nghiệp và hợp tác xã	3672	3.581	91	0	14	77	0	110	2.116
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước	53	12	41	0	10	31	0	82	1.414
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ	32	8	24	0	6	18	0	71	1.139
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	12	4	8	0	2	6	0	0	110
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	9	0	9	0	2	7	0	11	165
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước	3334	3.284	50	0	4	46	0	28	702
- Công ty Cổ phần	333	299	34	0	4	30	0	28	526
- Doanh nghiệp tư nhân	461	459	2	0	0	2	0	0	12
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	2497	2.484	13	0	0	13	0	0	154
- Công ty hợp danh	9	9	0	0	0	0	0	0	0
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài	34	33	1	0	0	1	0	0	10
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài	21	20	1	0	0	1	0	0	10
c) Hợp tác xã	285	285	0	0	0	0	0	0	0
10. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. Cơ sở khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cộng (1+....+11)	4461	3.714	747	0	262	485	0	3.011	48.772

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.
(**) Chi bộ trực thuộc: Gồm chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và đảng ủy bộ phận

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ KIẾN TOÀN, SẮP XẾP TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Nhiệm kỳ 2020 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 572-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 4

TT	Tiêu chí	Số TCCSĐ tính đến 31/12/2020	Số TCCSĐ tính đến 31/12/2023*		
			Tổng số	Trong đó	
				Thành lập mới (bao gồm cả hợp nhất, sáp nhập)	Giải thể
1	Xã, phường, thị trấn	142	142	-	-
2	Cơ quan hành chính	282	296	21	36
3	Đơn vị sự nghiệp	167	163	4	6
4	Quân đội	17	17	1	2
5	Công an	39	38	3	3
6	Doanh nghiệp	114	91	2	26
7	Hợp tác xã			-	-
8	Ngoài nước			-	-
9	Khác			-	-
TỔNG CỘNG		761	747	31	73

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THÔNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY CƠ SỞ CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 5

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số thôn, tổ dân phố	1377	1367
	Số chưa có đảng viên	0	0
	Số chưa có tổ chức đảng	2	0
	Số chi bộ sinh hoạt ghép	2	1
2	Số bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1377	1367
	Số kiêm trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố	111	109
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận	229	151
	Số kiêm cả trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận	1	0
	Số kiêm nhiệm chức danh khác	46	58
3	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	1377	1367
	Số chưa là đảng viên	551	498
4	Số trường tiểu học và THCS	416	387
	Số chưa có đảng viên	0	0
	Số chưa có tổ chức đảng	0	0
5	Số trạm y tế	141	141
	Số chưa có đảng viên	2	0
	Số chưa có tổ chức đảng	44	44
6	Số doanh nghiệp	2821	3307
	Số chưa có đảng viên	2799	3288
	Số chưa có tổ chức đảng	2799	3288

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 6

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng	47.174	48.772
	- Nữ	17.639	19.618
	- Dự bị	1.599	1.447
	- Dân tộc thiểu số	5.155	5.491
	- Người theo tôn giáo	4.692	5.233
	- Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	10.504	14.617
	- Chủ doanh nghiệp tư nhân	4	10
	- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài		5
	- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên	3.739	4.061
	- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tính từ cấp huyện	978	940
	- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	4.042	4.192
	- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)	2.628	2.932
	- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	10.794	11.809
	- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	185	162
	- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:	3.338	2.685
	+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	540	468
	+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất	1.857	1.324
	+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất	941	893
	- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp	8.798	9.096
	- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội, công an (lực lượng vũ trang)	4.156	3.928
	- Sinh viên	24	7
	- Học sinh	1	14
	- Đã nghỉ hưu và nghỉ công tác	6.331	6.018
	- Được miễn công tác và sinh hoạt đảng	2.160	2.928
2	Tuổi đời		
	18 đến 30 tuổi	8.138	6.705
	31 đến 40 tuổi	14.101	15.101
	41 đến 50 tuổi	11.163	11.791
	51 đến 60 tuổi	8.937	9.357
	61 tuổi trở lên	4.835	5.818
	Tuổi bình quân	42	43

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
3	Trình độ học vấn		
	Biết chữ Quốc ngữ	29	32
	Tiểu học	763	641
	Trung học cơ sở	5.424	5.297
	Trung học phổ thông	40.958	42.802
4	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
	Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua đào tạo	3.787	3.997
	Sơ cấp		
	Trung cấp	18.787	7.414
	Cao đẳng	4.979	4.958
	Đại học	17.802	19.869
	Thạc sỹ	1.479	2.031
	Tiến sỹ	142	195
	Trình độ khác	17	17
5	Trình độ lý luận chính trị		
	Sơ cấp	40.116	8.165
	Trung cấp	5.871	11.839
	Cao cấp, cử nhân	989	2.879

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 7

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng	1.159	3.847
	- Nữ	628	2.065
	- Dân tộc thiểu số	191	669
	- Người theo tôn giáo	174	634
	- Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	645	1.567
	- Chủ doanh nghiệp tư nhân	0	3
	- Quân chủng vi phạm chính sách KHHGD	6	9
	- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài	0	0
	- Kết nạp lại	0	0
	- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên	102	367
	- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tính từ cấp huyện trở lên	6	19
	- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	195	441
	- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)	98	284
	- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	473	1.747
	- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	7	26
	- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:	98	322
	+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	15	29
	+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất	52	272
	+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất	31	21
	- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp	87	406
	- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội và công an (lực lượng vũ trang)	85	191
	- Sinh viên	7	26

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
	- Học sinh	1	18
2	Nguồn giới thiệu		
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu	645	1.567
	Do Công đoàn giới thiệu	581	2.133
3	Tuổi đời		
	18 đến 30 tuổi	618	1.894
	31 đến 40 tuổi	460	1.661
	41 đến 50 tuổi	75	273
	51 đến 60 tuổi	6	19
	61 tuổi trở lên	0	0
	<i>Tuổi bình quân</i>	30	30
4	Trình độ học vấn		
	Biết đọc, biết viết	0	0
	Tiểu học	1	6
	Trung học cơ sở	51	180
	Trung học phổ thông	1.107	3.661
5	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
	Sơ cấp	10	217
	Trung cấp	137	301
	Cao đẳng	198	423
	Đại học	776	2.351
	Thạc sỹ	37	182
	Tiến sỹ	1	3
	Trình độ khác	0	0

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THÔNG KÊ
CẤP ỦY TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 8

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ	51	15	2	1
1	Dân tộc thiểu số	2	1		
2	Người theo tôn giáo				
3	Nữ	5	1		
4	Tái cử	36	10	1	1
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND				1
6	Tuổi đời	51			
	Từ 18 - 30 tuổi				
	Từ 31 - 35 tuổi				
	Từ 36 - 40 tuổi	3			
	Từ 41 - 45 tuổi	8			
	Từ 46 - 50 tuổi	10	1		
	Từ 51 - 55 tuổi	19	8		
	Trên 55 tuổi	11	6	2	1
	<i>Tuổi bình quân</i>				
7	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	51	15	1	1
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học	22	6		
	Thạc sỹ	27	9	1	1
	Tiến sỹ	3			
	Trình độ khác				
8	Trình độ lý luận chính trị	51	15	1	1
	Trung cấp				
	Cao cấp, cử nhân	51	15	1	1

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.

(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.
Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 3 năm 2024

THỐNG KÊ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**Nhiệm kỳ 2020 - 2025***

(Kèm theo Báo cáo số 572 -BC/TU, ngày 8 /3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 9

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ	521	168	31	16
1	Dân tộc thiểu số	38	10	2	0
2	Người theo tôn giáo	14	3	1	0
3	Nữ	87	20	3	2
4	Tái cử	268	95	23	10
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	0	0	0	9
6	Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND	0	0	0	0
7	Tuổi đời	521	168	31	16
	Từ 18 - 30 tuổi	4	0	0	0
	Từ 31 - 35 tuổi	15	1	0	0
	Từ 36 - 40 tuổi	57	17	3	0
	Từ 41 - 45 tuổi	144	35	6	5
	Từ 46 - 50 tuổi	143	49	9	3
	Từ 51 - 55 tuổi	114	39	6	3
	Trên 55 tuổi	44	27	7	5
	<i>Tuổi bình quân</i>				
8	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	521	168	31	16
	Sơ cấp	0	0	0	0
	Trung cấp	2	0	0	0
	Cao đẳng	0	0	0	0
		345	89	14	7
	Thạc sỹ	172	79	17	9
	Tiến sỹ	2	0	0	0
	Trình độ khác	0	0	0	0
9	Trình độ lý luận chính trị	521	168	31	16
	Sơ cấp	1	0	0	0
	Trung cấp	78	0	0	0
	Cao cấp, cử nhân	442	168	31	16

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.

(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.

Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

THỐNG KÊ CẤP ỦY CẤP CƠ SỞ

Nhiệm kỳ 2020-2025*

(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 10

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ	2,798	562	571	462
1	Dân tộc thiểu số	312	58	46	21
2	Tôn giáo	181	32	27	7
3	Nữ	643	54	60	54
4	Tái cử	1,597	348		241
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND				64
6	Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND				17
7	Tuổi đời	2,798	562	571	462
	Từ 18 - 30 tuổi	136	8		1
	Từ 31 - 35 tuổi	387	29	22	3
	Từ 36 - 40 tuổi	529	91	162	36
	Từ 41 - 45 tuổi	624	119	79	87
	Từ 46 - 50 tuổi	542	143	98	134
	Từ 51 - 55 tuổi	413	142	93	141
	Trên 55 tuổi	167	30	117	60
	Tuổi bình quân				
8	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	2,798	562	571	462
	Sơ cấp		10		
	Trung cấp	199	3		6
	Cao đẳng	305	440	7	2
	Đại học	2,075	109	498	375
	Thạc sỹ	219	0	66	77
	Tiến sỹ				2
	Trình độ khác				
9	Trình độ lý luận chính trị	2,798	562	571	462
	Sơ cấp	304	9	23	12
	Trung cấp	2,016	334	483	217
	Cao cấp, cử nhân	478	219	65	233

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.

(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.

Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

**THỐNG KÊ BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ
ĐỒNG THỜI LÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 11

STT	Loại hình cơ sở	31/12/2020			31/12/2023*		
		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị	
			Số lượng	%		Số lượng	%
1	Cơ quan hành chính	282	236	83,69%	296	274	92,57%
2	Đơn vị sự nghiệp	167	161	96,41%	163	157	96,32%
3	Doanh nghiệp nhà nước	60	58	96,67%	41	40	97,56%
4	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	54	20	37,04%	50	21	42,00%
5	Loại hình khác	56	43	76,79%	55	43	78,18%

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 12

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	Tổng số lớp	Cấp tỉnh	Cấp huyện
			Tổng	Trong đó số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng	Trong đó số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
1	2	3=4+6+8	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
I	Đào tạo	2934	4	4	1905	38	1024	61	19	42
1	Đào tạo chuyên môn	667	0	0	451	13	215	6	2	4
	- Đại học	492	0	0	293	3	199	3	0	3
	+ Đào tạo trong nước	492	0	0	293	3	199	3	0	3
	+ Đào tạo ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Thạc sỹ	174	0	0	158	122	16	3	2	1
	+ Đào tạo trong nước	174	0	0	158	122	16	3	2	1
	+ Đào tạo ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Tiến sỹ	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	1	1	1						
	+ Đào tạo ngoài nước	0								
2	Đào tạo lý luận chính trị	2267	4	4	1454	309	809	52	50	38
	Sơ cấp	229	0	0	75	0	154	4	0	4
	Trung cấp	1782	0	0	1192	137	590	43	46	26
	Cao cấp	256	4	4	187	172	65	5	4	8
II	Bồi dưỡng	30052	422	422	8394	1532	21658	270	46	275
1	Nghịệp vụ xây dựng Đảng	5559	0	0	1829	706	3730	47	2	48
2	Nghịệp vụ đoàn thể chính trị	12963	0	0	2634	137	10329	133	0	136
3	Quản lý nhà nước	1059	150	150	725	224	334	15	8	15
4	Ngoại ngữ	21	0	0	3	1	18	0	0	0
5	Tin học	47	0	0	2	2	45	0	0	0
6	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng	4101	63	63	1071	283	4148	48	32	42
7	Quốc phòng - An ninh	4590	209	209	2130	179	3054	27	4	34

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

**THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐIỆN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ****Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8 /3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 13

TT	Tiêu chí	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý		Diện BTV Huyện ủy quản lý	
		31/12/2020	31/12/2023*	31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng	304	289	2,741	2,587
	Nữ	44	43	562	482
	Dân tộc thiểu số	18	19	176	232
2	Độ tuổi	304	289	2,741	2,587
	Dưới 40 tuổi	13	3	590	405
	Từ 41 đến 45 tuổi	37	44	537	634
	Từ 46 đến 50 tuổi	59	67	615	735
	Từ 51 đến 55 tuổi	96	98	634	536
	Từ 56 tuổi trở lên	99	77	365	277
3	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	304	289	2,741	2,587
	Sơ cấp			221	26
	Trung cấp	2		804	34
	Cao đẳng	2	17	1,457	1,942
	Đại học	228	198	256	565
	Thạc sỹ	69	69	3	20
	Tiến sỹ	3	5		
	Trình độ khác				
4	Lĩnh vực đào tạo	304	289	2,741	2,587
	Nội chính, pháp luật	64	95	827	1,045
	Quân đội	9	5	151	55
	Công an	9	7	292	77
	Kinh tế, tài chính	40	43	892	601
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật	7	14	297	301
	Khoa học xã hội, nhân văn	140	100	254	380
	Xây dựng Đảng	35	25	28	95
	Hành chính nhà nước			2	33
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế			0	0
	Khác			2	
5	Trình độ lý luận chính trị	304	289	2,741	2,587
	Sơ cấp			681	15
	Trung cấp	12	2	990	1,606
	Cao cấp, cử nhân	292	287	1,070	966

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ VỀ SẮP XẾP CÁC TỔ CHỨC, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 14

STT	Tiêu chí	Số lượng	
		31/12/2020	từ 2021 - 31/12/2023*
I	Về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã		
1	Tổng số đầu mối trực thuộc cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, sáp nhập		1
	Trong đó:		
	Số đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		1
	Số cấp trưởng của các đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		1
	Số cấp phó của các đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		1
2	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện		
	Số cấp trưởng của đơn vị hành chính cấp huyện		
	Số cấp phó của đơn vị hành chính cấp huyện		
3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương thực hiện sắp xếp, sáp nhập	37	0
	Trong đó:		
	Số đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương	37	

	Số cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương	37	
	Số cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương	65	
4	Tổng số phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành và đầu mối trực thuộc cấp huyện thực hiện sắp xếp, sáp nhập	26	18
	Trong đó:		
	Số các phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành và đầu mối trực thuộc cấp huyện	26	18
	Số cấp trưởng của các phòng, ban và tương đương	26	18
	Số cấp phó của các phòng, ban và tương đương	46	17
5	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, sáp nhập	10	0
	Trong đó:		
	Số đơn vị hành chính cấp xã	10	
	Số cấp trưởng đơn vị hành chính cấp xã	78	
	Số cấp phó đơn vị hành chính cấp xã	74	
	Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã	119	
6	Tổng số thôn, tổ dân phố thực hiện sắp xếp, sáp nhập	318	18
	Trong đó:		
	Số thôn, tổ dân phố	318	18
	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	307	14
	Số phó thôn, tổ phó tổ dân phố	23	

	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân	932	48
II	Về sắp xếp, sáp nhập các đơn vị thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
1	Tổng số tổng cục và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số tổng cục và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng tổng cục và tương đương		
	Số cấp phó tổng cục và tương đương		
2	Tổng số cục, vụ, viện và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số cục, vụ, viện và tương đương trực thuộc các bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng cục, vụ, viện và tương đương		
	Số cấp phó cục, vụ, viện và tương đương		
3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
4	Tổng số phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		

	Trong đó:		
	Số phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
5	Tổng số đầu mối trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đầu mối trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 3 năm 2024

THÔNG KÊ VIỆC THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
(Kèm theo Báo cáo số 542-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 15

STT	Tiêu chí	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Khối Đảng, MTTQVN và các tổ chức CT - XH	Khối chính quyền	Khối Đảng, MTTQVN và các tổ chức CT - XH	Khối chính quyền
I	Tại thời điểm 31/12/2020	585	9.947	797	22.839
1	Tổng số biên chế được giao	585	9.947	797	22.839
2	Tổng số biên chế thực tế	470	9.947	623	22.839
3	Tổng số biên chế tinh giản	6	9	47	102
	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự		1	10	18
	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm		0	2	0
	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	2	1	14	8
	Do phân loại, đánh giá		6	13	60
	Lãnh đạo quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.		1	2	4
	Các trường hợp khác	1	0	6	6
II	Tại thời điểm 31/12/2023*	454	9.367	626	21.733
1	Tổng số biên chế được giao	454	12425	626	21773
2	Tổng số biên chế thực tế	454	0	626	0
3	Tổng số biên chế tinh giản	2	5	3	162
	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự		0	0	0
	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm		0	2	0
	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn		0	0	53
	Do phân loại, đánh giá	1	2	3	83
	Lãnh đạo quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.		0		0
	Các trường hợp khác	1	3		26

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT
(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU, ngày 8/ 3/2024 của Tỉnh uỷ)

Biểu số 16

TT	Tiêu chí	SỐ LƯỢNG	
		31/12/2020	31/12/2023
1	Tổ chức đảng	0	13
	Khiển trách	0	10
	Cảnh cáo	0	3
	Giải tán	0	
2	Cấp uỷ viên các cấp	32	158
	Khiển trách	25	99
	Cảnh cáo	4	38
	Cách chức	1	9
	Khai trừ	2	12
3	Đảng viên	181	1201
	Khiển trách	145	521
	Cảnh cáo	24	154
	Cách chức	1	14
	Khai trừ	11	512

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ
CÁC CẤP MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC***

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 17

TT	Tiêu chí	Cán bộ lãnh đạo quản lý		
		Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý	Diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý	Diện Ban Thường vụ huyện ủy quản lý
1	Số cán bộ miễn nhiệm (1)			
	Trường hợp 1			10
	Trường hợp 2			
	Trường hợp 3			
	Trường hợp 4	2		3
	Trường hợp 5		3	1
	Trường hợp 6			
2	Số cán bộ từ chức (2)			
	Trường hợp 1			
	Trường hợp 2			
	Trường hợp 3			1
	Trường hợp 4			8
	Trường hợp 5			1

(1),(2) Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức căn cứ theo Điều 5,6 Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 3/11/2021 của Bộ Chính trị

(*) Số liệu tính từ 03/11/2021 đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 3 năm 2024

THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

NHIỆM KỲ 2020 - 2025*

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 18

Đơn vị: Lược người

Số TT	Hình thức luân chuyển	Chức vụ luân chuyển đến								Chức vụ sau luân chuyển			Tổng số lượt người luân chuyển			
		Bí thư	Phó Bí thư	UBND		HĐND		Trưởng ban, ngành và tương đương	Phó ban, ngành và tương đương	Giữ nguyên chức vụ hoặc chức vụ tương đương	Bổ trí chức vụ cao hơn	Bổ trí chức vụ thấp hơn	Tổng số	Trong đó, số lượng xác định theo thời gian luân chuyển		
				Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Chủ tịch	Phó Chủ tịch							Dưới 36 tháng	Từ 36 tháng đến 60 tháng	Hơn 1 nhiệm kỳ (60 tháng)
1	Trung ương về tỉnh, thành phố															
2	Tỉnh, thành phố về quận, huyện		1							1			1	1		
3	Quận, huyện về tỉnh, thành phố															
4	Huyện này sang huyện khác															
5	Ngành này sang ngành khác	16	8	10	4			12	8	28	30		58	11	17	30
6	Quận, huyện về xã, phường, thị trấn	1	1	1	1					3	1		4	3	1	
7	Xã, phường, thị trấn về quận, huyện	1	3	1	2				4	7	4		11	5	1	5
8	Xã này sang xã khác	18	12	12	7	0	0	12	12	38	34	0	73	19	19	34
	TỔNG SỐ	36	24	24	14	0	0	24	24	77	69	0	146	39	38	69

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 3 năm 2024

THÔNG KÊ KẾT QUẢ
VIỆC BỐ TRÍ MỘT SỐ CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
KHÔNG LÀ NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG*
(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 19

Đơn vị: Lượt người

Số TT	Cấp tỉnh, cấp huyện	Tổng số	Chức vụ luân chuyển đến								
			Bí thư	Chủ tịch UBND	Chánh án TAND	Viện trưởng VKSND	Trưởng Công an	Chánh Thanh tra	Cấp trưởng ngành Tài chính	Cấp trưởng ngành Hải quan	Cấp trưởng ngành Thuế
1	Cấp tỉnh	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Cấp huyện	90	12	12	12	12	12	12	12		6
	TỔNG SỐ										

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

*

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 3 năm 2024

THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ VÀ CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,
ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, THÀNH ỦY ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

(Kèm theo Báo cáo số 572-BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 22

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành	Quy hoạch Ban Thường vụ	Quy hoạch Bí thư	Quy hoạch Phó Bí thư	Quy hoạch Chủ tịch HĐND	Quy hoạch Chủ tịch UBND	Quy hoạch Trưởng đoàn ĐBQH
TỔNG SỐ	53	20	01	3	2	2	1
*Trong đó: - Nữ	5	2		1	1		
- Dân tộc thiểu số	1	2					
*Phân tích tổng số theo:	53	20	01	1	2	2	1
1. Tuổi đời	53	20	6	3	2	2	1
- Dưới 40 tuổi	2	2					
- Từ 40 đến 50 tuổi	30	11	2	1	1		
- Trên 50 tuổi	21	7	4	2	2	3	1
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	53	20	6	3	2	2	1
- Cao đẳng							
- Đại học	11	8		1		1	
- Thạc sĩ	42	10	6	2	2	1	1
- Tiến sĩ	3	3					
- Trình độ khác							
3. Trình độ lý luận chính trị	53	20	6	3	2	2	1
- Trung cấp							
- Cao cấp, cử nhân	53	20	6	3	2	2z	1

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày tháng 3 năm 2024

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
NHIỆM KỲ 2020 - 2025***

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 23

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành cấp huyện	Quy hoạch Ban Thường vụ cấp huyện	Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp huyện (Bí thư; Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND)	Quy hoạch các chức danh trưởng, phó sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh
TỔNG SỐ	1,003	320	283	267
*Trong đó: - Nữ	266	62	187	267
- Dân tộc thiểu số	93	25	37	51
*Phân tích tổng số theo:	1,003	320	283	20
1. Tuổi đời	1,003	320	283	267
- Dưới 40 tuổi	47	1	77	59
- Từ 40 đến 50 tuổi	328	82	131	120
- Trên 50 tuổi			75	88
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	1,003	320	283	267
- Cao đẳng	231	48		
- Đại học	746	264	181	260
- Thạc sĩ	23	7	98	7
- Tiến sĩ	3	1	4	
- Trình độ khác				
3. Trình độ lý luận chính trị	936	320	283	267
- Trung cấp	357	23	18	21
- Cao cấp, cử nhân	579	297	265	246

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023;
thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ

DIỆN BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY CẤP HUYỆN QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

(Kèm theo Báo cáo số 542 -BC/TU, ngày 8/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 24

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành đảng bộ cấp xã	Quy hoạch Ban Thường vụ cấp ủy cấp xã	Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp xã (Bí thư; Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND)	Quy hoạch các chức danh trưởng, phó phòng, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp huyện
TỔNG SỐ	3,209	816	2,446	1,442
*Trong đó: - Nữ	1,071	230	499	334
- Dân tộc thiểu số	659	172	231	76
*Phân tích tổng số theo:	3,209	816	2,446	1,442
1. Tuổi đời	3,209	816	2,446	1,442
- Dưới 40 tuổi	1,603	295	558	839
- Từ 40 đến 50 tuổi	1,152	476	989	545
- Trên 50 tuổi	454	45	899	58
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	3209	816	2,446	1,442
- Cao đẳng	38		45	
- Đại học	3,123	667	1834	1,221
- Thạc sĩ	48	149	567	221
- Tiến sĩ				
- Trình độ khác				
3. Trình độ lý luận chính trị	3,209	816	2446	1,442
- Trung cấp	2,336	593	778	643
- Cao cấp, cử nhân	873	223	1668	799

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023;
thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*
(Kèm theo Báo cáo số 572 -BC/TU, ngày 8 /3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 26
Đơn vị: Lướt người

TT	Tiêu chí	Cán bộ diện Trung ương quản lý	Cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý	
			Chưa phân cấp	Đã phân cấp
I	Đánh giá cán bộ	3	255	3857
II	Thực hiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử		241	1833
1	Bổ nhiệm		141	968
2	Giới thiệu ứng cử		100	865
III	Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ	3	356	1158
IV	Khen thưởng, kỷ luật	2	155	1841
1	Khen thưởng	0	0	1669
2	Kỷ luật	2	0	167

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025